Deloitte.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Tuyến	Chủ tịch	
Ông Trần Trọng Phúc	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Công Tứ	Thành viên	
Ông Lê Song Lai	Thành viên	
Ông Trần Vĩnh Đức	Thành viên	
Ông Peter Gujer	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2008)
Bà Trần Thái Phương	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2008)
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 20 tháng 08 năm 2008)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quang Tuyến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc

Như được trình bày tại Thuyết minh số 01 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, một số thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đồng thời cũng là đại diện phần vốn góp Nhà nước và sở hữu một phần vốn góp trong Tổng Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính kỳ này phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính kỳ này đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Trịnh Quang Tuyến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Số 8-Phạm Ngọc Thạch,Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84-4 3852 4123
Fax: +84-4 3852 4143
www.deloitte.com/vn

Số: 50 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau:

Thuế nhà thầu phí tái bảo hiểm ra nước ngoài: Như đã trình bày trong Thuyết minh số 15 phần "Thuyết minh báo cáo tài chính", Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26/12/2008 của liên Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về việc chính sách thuế đối với phí Tái bảo hiểm ra nước ngoài thì các Công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 01/11/2005. Tuy nhiên, do Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (đại diện cho các công ty bảo hiểm) đang tiến hành làm việc với Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế để xác định căn cứ tính thuế nhà thầu phải nộp theo quy định tại Công văn số 15861/BTC-TCT nêu trên nên Tổng Công ty chưa có cơ sở để tính thuế nhà thầu phải nộp. Việc xác định số thuế phải nộp của Tổng Công ty sẽ căn cứ và tùy thuộc vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

Chưa có bút toán điều chỉnh nào liên quan đến khoản dự phòng thuế nhà thầu nước ngoài này trên báo cáo tài chính năm 2008.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau (Tiếp theo):

Trích lập dự phòng dao động lớn: Ngày 28 tháng 09 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt nam số 19 "Hợp đồng bảo hiểm" kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Hiện tại, theo Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn và do Bộ Tài chính chưa có thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán trên nên Tổng Công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho năm 2008 là thận trọng hơn các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 19. Ảnh hưởng của Chuẩn mực này đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành sau này.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0029/KTV

Nguyễn Minh Hùng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0294/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	**100**		**1.895.644.003.711**	**588.564.079.157**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4	**426.025.983.308**	**99.275.778.970**
1. Tiền	111		56.585.983.308	39.047.778.970
2. Các khoản tương đương tiền	112		369.440.000.000	60.228.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	5	**933.812.439.650**	**221.142.599.800**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		952.197.123.800	221.262.275.350
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	128		(18.384.684.150)	(119.675.550)
III. Các khoản phải thu	**130**		**535.588.704.710**	**263.556.815.286**
1. Phải thu khách hàng	131		538.357.243.735	263.962.896.982
- Phải thu hoạt động nhận Tái bảo hiểm			*272.973.320.798*	*134.595.617.189*
- Phải thu hoạt động nhượng Tái bảo hiểm			*133.439.701.671*	*102.850.859.475*
- Phải thu khác của khách hàng		6	*131.944.221.266*	*26.516.420.318*
2. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.768.539.025)	(406.081.696)
IV. Hàng tồn kho			**30.652.371**	**33.666.772**
1. Hàng tồn kho	141		30.652.371	33.666.772
V. Tài sản lưu động khác	**150**		**186.223.672**	**4.555.218.329**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	4.417.252.202
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		66.232.843	50.972.971
3. Tạm ứng	158		119.990.829	87.013.156
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	**200**		**828.251.410.597**	**626.710.594.484**
I. Tài sản cố định	**210**		**50.883.763.864**	**53.593.422.527**
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	35.267.527.093	37.601.170.958
- Nguyên giá	212		52.763.769.130	52.662.678.053
- Giá trị hao mòn luỹ kế	213		(17.496.242.037)	(15.061.507.095)
2. Tài sản cố định vô hình	217		15.616.236.771	16.392.251.569
- Nguyên giá	218		19.520.295.963	19.520.295.963
- Giá trị hao mòn luỹ kế	219		(3.904.059.192)	(3.128.044.394)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**230**		**55.045.878**	**281.244.448**
III. Các khoản đầu tư dài hạn	**220**	5	775.047.490.812	570.567.817.466
1. Góp vốn liên doanh	222		38.420.000.000	38.420.000.000
2. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228		736.627.490.812	532.147.817.466
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	**240**		**2.265.110.043**	**2.265.110.043**
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		2.265.110.043	2.265.110.043
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			**2.723.895.414.308**	**1.215.274.673.641**

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DNBH
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		813.124.671.759	601.392.562.350
I. Nợ ngắn hạn	310		408.211.035.014	310.355.676.655
1. Phải trả cho người bán	313		392.160.201.415	297.364.791.594
- Phải trả hoạt động nhận Tái bảo hiểm			*131.775.609.220*	*97.908.761.135*
- Phải trả hoạt động nhượng Tái bảo hiểm			*248.844.241.006*	*192.940.762.023*
- Phải trả về hàng hóa lao vụ			*11.381.200*	-
- Phải trả khác			*11.528.969.989*	*6.515.268.436*
2. Người mua trả tiền trước	314		1.291.963.659	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	8	8.556.933.289	4.100.172.932
4. Phải trả người lao động	316		5.043.572.053	2.513.608.660
5. Chi phí phải trả	317		-	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	9	1.158.364.598	6.377.103.469
II. Nợ dài hạn	330		404.913.636.745	291.036.885.695
1. Phải trả dài hạn người bán		10	402.219.667.339	289.501.809.036
- Dự phòng phí	*331*		*137.223.918.213*	*91.838.877.296*
- Dự phòng bồi thường	*333*		*179.637.698.951*	*120.903.488.860*
- Dự phòng dao động lớn	*334*		*85.158.050.175*	*76.759.442.880*
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		784.977.465	475.253.959
3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	342		1.720.074.536	946.119.825
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	343		188.917.407	113.702.875
B. NGUỒN VỐN	400	12	1.910.770.742.549	613.882.111.291
I. Nguồn vốn, quỹ	410		1.907.306.770.230	611.739.257.971
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		672.184.400.000	504.138.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.104.116.030.642	45.515.630.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	414		6.562.880.582	3.466.045.810
4. Quỹ dự phòng tài chính	415		32.814.402.909	17.230.229.048
5. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		16.497.201.455	8.665.114.524
6. Lợi nhuận chưa phân phối	417		75.221.854.642	32.623.938.589
Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ			*8.433.141.804*	*3.723.920.132*
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		3.463.972.319	2.142.853.320
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	422		3.463.972.319	2.142.853.320
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			2.723.895.414.308	1.215.274.673.641

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DNBH

CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG	Đơn vị	31/12/2008	31/12/2007
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	5.667.538,45	7.551.395,58
Đô la Úc	AUD	86.147,05	86.149,97
Yên Nhật	JPY	3.101.729,00	3.101.971,00
Đô la Singapore	SGD	390,90	394,58
Bảng Anh	GBP	28.253,54	28.729,54
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	35.372,76	20.224,44
2. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có	VND	23.302.907.267	19.893.157.527

Trịnh Quang Tuyến
Tổng Giám đốc

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU B 02-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Thu phí nhận tái bảo hiểm	2		1.095.228.624.390	926.272.618.776
2. Các khoản giảm trừ	3		781.941.714.545	717.542.259.857
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm	*4*		*774.858.638.244*	*703.674.668.251*
Hoàn phí	*5*		*7.083.076.301*	*13.867.591.606*
3. (Tăng) / Giảm dự phòng phí	8		(45.385.040.917)	(24.118.255.179)
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	9		121.482.623.381	100.251.021.875
5. Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		22.709.075.574	21.683.450.704
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**14**		**412.093.567.883**	**306.546.576.319**
7. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		480.540.187.139	244.558.017.689
8. Các khoản giảm trừ:	17		365.949.649.854	162.228.746.649
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	*18*		*365.949.649.854*	*162.228.746.649*
9. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	**21**		**114.590.537.285**	**82.329.271.040**
10. Tăng dự phòng bồi thường	23		57.934.210.091	23.418.160.441
11. Trích dự phòng dao động lớn trong năm	24		9.398.607.295	6.261.910.768
12. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**25**		**207.625.239.924**	**145.109.748.838**
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		207.112.655.636	144.685.447.371
+ Chi hoa hồng	*35*		*181.251.688.319*	*132.174.991.396*
+ Chi khác	*38*		*25.860.967.317*	*12.510.455.975*
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhượng tái bảo hiểm	39		512.584.288	424.301.467
13. Tổng chi trực tiếp kinh doanh bảo hiểm	**41**		**389.548.594.595**	**257.449.100.087**
14. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**42**		**22.544.973.288**	**49.427.476.232**
15. Chi phí quản lý	44		34.042.791.390	23.292.542.278
16. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**45**		**(11.497.818.102)**	**26.134.932.954**
17. Doanh thu hoạt động tài chính	46		223.669.363.281	48.405.570.850
18. Chi phí hoạt động tài chính	47		18.369.277.386	119.675.550
19. Lợi nhuận hoạt động tài chính	**51**		**205.300.085.895**	**48.285.994.300**
20. Doanh thu hoạt động khác	52		11.291.870.398	9.256.815.894
21. Lợi nhuận hoạt động khác	**54**		**11.291.870.398**	**9.366.815.894**
22. Lợi nhuận kế toán	**55**		**205.094.138.191**	**83.787.653.148**
23. Các khoản điều chỉnh tăng/ (giảm) LN chịu thuế TNDN	56		(31.263.704.873)	(8.591.271.095)
Trong đó: + Lợi nhuận không chịu thuế			*(32.261.972.731)*	*(9.002.793.677)*
+ Chi phí không được khấu trừ thuế			*998.267.858*	*911.422.582*
24. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**59**		**173.830.433.318**	**75.096.282.053**
25. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	11	45.467.973.376	10.597.479.487
26. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	61		(75.214.532)	(113.702.875)
27. Lợi nhuận sau thuế (62=59-60-56+61)	**62**	12	**159.550.950.283**	**73.076.470.796**
Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ			*4.709.211.672*	*405.050.541*
28. Lãi trên cổ phiếu	**63**	13	2.352	1.873

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Trịnh Quang Tuyến
Tổng Giám đốc

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MẪU B 03-DNBH
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận nhượng tái bảo hiểm	01	404.318.845.560	406.006.039.451
2. Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	02	(402.036.384.928)	(393.511.348.500)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.324.172.788)	(11.194.816.316)
4. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(38.954.885.907)	(12.664.476.185)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	110.253.595.754	50.480.604.423
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(50.163.104.936)	(8.686.653.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***9.093.892.755***	***30.429.348.945***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Chi mua sắm tài sản cố định	21	(470.892.507)	(501.488.429)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.818.182	-
3. Thu hồi tiền cho vay	24	3.714.695.000	530.661.295
4. Chi đầu tư	25	(2.131.193.319.350)	(423.368.550.700)
5. Thu hồi các khoản đầu tư	26	1.200.749.497.717	217.000.000.000
6. Thu lãi đầu tư, cổ tức nhận được	27	108.532.956.264	46.713.289.158
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(818.665.244.694)***	***(159.626.088.676)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu,nhận vốn góp của chủ SH	31	1.260.345.750.000	159.851.574.500
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu,mua lại cổ phiếu	32	(33.533.790.758)	-
3. Tiền chi trả cổ tức trong năm	34	(90.502.641.658)	(25.023.444.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***1.136.309.317.584***	***134.828.130.336***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**326.737.965.645**	**5.631.390.603**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**99.275.778.970**	**93.245.227.445**
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái	61	12.238.693	399.160.922
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	**426.025.983.308**	**99.275.778.970**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Trịnh Quang Tuyến	Lưu Thị Việt Hoa
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004.

Ngày 31/01/2008, Tổng Công ty đã chào bán thành công 16.804.610 cổ phần cho Swiss Re theo Quyết định số 23/2008/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng Công ty ngày 25/12/2008 đã được Bộ Tài chính và Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, qua đó làm tăng vốn góp cổ đông và thặng dư vốn cổ phần lên tương ứng là 168.046.100.000 đồng và 1.092.299.650.000 đồng. Theo đó, vốn điều lệ đã góp của Tổng Công ty tại ngày 31/01/2008 là 672.184.400.000 đồng và không thay đổi cho đến thời điểm 31/12/2008.

Các cổ đông chính của Tổng Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

Tổng số cổ phần của Tổng Công ty là 67.218.440 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn	Vốn góp tại ngày 31/12/2008
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	40,36%	271.313.000.000
Swiss Ree	25,00%	168.046.100.000
Các cổ đông khác	34,64%	232.825.300.000
Tổng cộng	**100%**	**672.184.400.000**

Tổng Công ty chính thức hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và có thời gian hoạt động là vô hạn.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 75 người (năm 2007: 65 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và chưa được hợp nhất với báo cáo tài chính của công ty liên doanh do Tổng Công ty góp vốn.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị .

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được xem xét trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Do đặc thù của ngành kinh doanh Tái bảo hiểm, công nợ thường được thanh toán theo kỳ là quý hoặc nửa năm nên mặc dù trong số dư nợ phải thu đến cuối kỳ có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán trên 03 tháng đến dưới 01 năm, Tổng Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản nợ phải thu này. Đối với các khoản phải thu từ 01 năm đến dưới 2 năm Tổng Công ty đang áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 30% thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 50%. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như đã nêu trên là phù hợp với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	4
Tài sản khác	4 - 5

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Theo phê duyệt tại Quyết định số 2288/QĐ-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính và theo đề án cổ phần hoá của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 2299/QĐ-BTC ngày 22 tháng 7 năm 2004, toàn bộ phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được xác định lại và giá trị theo sổ sách sau khi đã kết chuyển quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự trữ bắt buộc, chênh lệch tỷ giá và một phần quỹ dự phòng dao động lớn trong năm 2004 được ghi nhận là Tài sản cố định vô hình trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty với số tiền là 19.520.295.963 đồng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

Việc xử lý này là có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 "Tài sản cố định vô hình" hướng dẫn về kế toán khoản chênh lệch giữa giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thuần theo sổ sách.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản chứng khoán đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi Tổng Công ty chấp nhận các bảng thanh toán với các nhà nhượng tái cho Tổng Công ty. Đối với nghiệp vụ nhượng tái, cơ sở ghi nhận là bảng thanh toán do Tổng Công ty lập lên để chuyển đi cho các nhà nhận tái của Tổng Công ty và đã được các nhà nhận tái xác nhận. Việc ghi nhận này là theo quy định về chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu được ghi nhận khi có thông báo chia lãi của công ty nhận đầu tư.

Thu nhập từ lãi công trái, lãi trái phiếu ngân hàng, lãi trái phiếu Chính phủ, lãi cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận khi phát sinh.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng tỷ giá hạch toán trong năm là 16.100 VND/Đô la Mỹ (USD).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ trong năm ban đầu được quy đổi sang USD theo tỷ giá hạch toán và sau đó được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí trong kỳ có gốc USD tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá là 16.977 VND/USD. Đối với các loại ngoại tệ khác USD được quy đổi thành VND theo tỷ giá liên ngân hàng công bố tại ngày 31/12/2008. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận từ việc đánh giá lại các số dư tiền, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ và không liên quan đến hạch toán doanh thu, chi phí tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông được ghi nhận góp vào "lợi nhuận chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ

Ngày 21/05/2008, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 5910/BTC-BH chấp thuận về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty cho năm 2008. Theo đó, việc trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty trong năm 2008 được thực hiện như sau:

Dự phòng phí: Mức trích lập quỹ dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá (đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không) được tính bằng 25% phí giữ lại và bằng 50% phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường:

- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết, Tổng Công ty trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR), tùy theo đặc điểm của từng loại hình nghiệp vụ bảo hiểm, Tổng Công ty sử dụng các phương pháp tính IBNR khác nhau:

  Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa, thân tàu và phi hàng hải: IBNR được ước tính bằng cách lấy giá trị bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (đối với các tổn thất thuộc trách nhiệm có giá trị dưới 100.000 USD) của quý 4 của năm tài chính trước nhân với tốc độ tăng trưởng phí giữ lại của các nghiệp vụ đó trong năm nay.

  Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng không: IBNR được xác định bằng cách ước tính giá trị các tổn thất có thể xảy ra nhưng chưa thông báo khi kết thúc năm tài chính.

Theo kinh nghiệm nhiều năm của Tổng Công ty, các loại nghiệp vụ bảo hiểm khác thường không phát sinh IBNR hoặc nếu phát sinh sẽ không trọng yếu nên Tổng Công ty quyết định không trích lập dự phòng IBNR đối với các loại nghiệp vụ bảo hiểm khác.

Việc trích lập dự phòng IBNR của Tổng Công ty có sự khác biệt so với cách tính IBNR được quy định trong Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27/3/2007. Nguyên nhân của sự khác biệt này là do Tổng Công ty không có đủ các số liệu thống kê của các nghiệp vụ bảo hiểm để có thể tính IBNR theo công thức được quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích lập IBNR như trên là phù hợp với đặc điểm và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Dự phòng dao động lớn: Được trích hàng năm theo phương pháp thống kê (tỷ lệ 3% trên mức phí giữ lại của tất cả các nghiệp vụ) cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27/3/2007.

Ngày 28 tháng 09 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - "Hợp đồng bảo hiểm" kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Hiện tại, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27/3/2007, các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn và do Bộ Tài chính chưa có thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán trên nên Tổng Công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho năm 2008 là thận trọng hơn các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19. Ảnh hưởng của Chuẩn mực này đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành sau này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Năm 2008, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý IV theo Thông tư số 03 ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội".

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.400.525.565	979.410.925
Tiền gửi ngân hàng	55.185.457.743	38.068.368.045
Các khoản tương đương tiền	369.440.000.000	60.228.000.000
	426.025.983.308	**99.275.778.970**

Số dư các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2008 bao gồm 06 tỷ đồng tiền gửi tại tài khoản phong tỏa số 012.0000.888.6014 tại Ngân hàng Tiên Phong cho mục đích bảo lãnh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare (dự kiến thực hiện trong năm 2009). Kỳ hạn của khoản tiền gửi này là từ 19/12/2008 đến ngày 19/01/2009, hưởng lãi suất thỏa thuận là 6%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

A. Đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 1 năm	909.373.500.000	213.453.000.000
Trái phiếu ngắn hạn	15.000.000.000	-
Cổ phiếu (kinh doanh ngắn hạn)	27.823.623.800	7.809.275.350
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(18.384.684.150)	(119.675.550)
Cộng đầu tư ngắn hạn	**933.812.439.650**	**221.142.599.800**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
B. Các khoản đầu tư dài hạn		
Góp vốn liên doanh (a)	***38.420.000.000***	***38.420.000.000***
Các khoản đầu tư dài hạn khác	***736.627.490.812***	***532.147.817.466***
Góp vốn cổ phần (b)	278.199.910.000	211.045.450.000
Trái phiếu, công trái chính phủ	57.658.744.749	81.666.842.466
Trái phiếu Sở giao dịch Ngân hàng phát triển Việt Nam	132.693.700.000	38.000.000.000
Trái phiếu Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	-	25.000.000.000
Trái phiếu khác	35.000.000.000	38.409.900.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 1 năm	225.000.000.000	127.057.000.000
Cho vay dài hạn (c)	7.253.930.000	10.968.625.000
Đầu tư dài hạn khác (d)	821.206.063	-
Cộng đầu tư dài hạn	**775.047.490.812**	**570.567.817.466**

(a) Góp vốn liên doanh

Là khoản góp vốn vào Công ty Bảo hiểm Samsung Vina với số tiền gốc là 2.500.000 đô la Mỹ tương đương với 38.420.000.000 đồng, chiếm 50% giá trị của công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty là một bên liên doanh. Tổng Công ty vẫn trình bày khoản góp vốn liên doanh này theo phương pháp giá gốc (chưa thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ). Cổ tức nhận từ góp vốn liên doanh năm 2008 là 4.185.275.876 đồng.

(b) Góp vốn cổ phần

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Vốn góp cổ phần bao gồm:			
Vốn góp vào PJICO	8,76%	29.867.910.000	12.705.450.000
Vốn góp vào PTI	7,06%	27.832.000.000	7.840.000.000
Vốn góp vào Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	6,00%	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	5,87%	17.600.000.000	17.600.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm Bảo Tín	10,00%	8.000.000.000	8.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm NH NNPT NT	8,42%	32.000.000.000	32.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Chứng khoán Đại Nam	5,00%	1.900.000.000	1.900.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm HKI	10,00%	30.000.000.000	-
Vốn góp vào Ngân hàng Tiên Phong	12,50%	125.000.000.000	125.000.000.000
		278.199.910.000	**211.045.450.000**

Tổng Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại ngày 31/12/2008 và tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị giảm giá so với giá mua của chúng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

(b) Góp vốn cổ phần (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty đã nhận được thông báo chia lãi từ các Công ty này với số tiền như sau:

	2008 VND	2007 VND
Lãi đầu tư vào PJICO	1.225.890.000	2.451.780.000
Lãi đầu tư vào PTI	1.176.000.000	846.443.836
Lãi đầu tư vào Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	462.000.000	372.000.000
Lãi đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Toàn cầu	1.132.800.000	-
Lãi đầu tư vào Ngân hàng Tiên Phong	7.500.000.000	-
	11.496.690.000	3.670.223.836

(c) Cho vay dài hạn

Đây là khoản cho cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty vay để mua cổ phần của Tổng Công ty theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Tổng Công ty.

(d) Đầu tư dài hạn khác: Là số cổ phiếu đầu tư từ quỹ phúc lợi của Tổng Công ty.

6. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Phải thu từ Bộ Tài chính	2.000.000.000	3.500.000.000
Dự thu lãi đầu tư, cho vay	119.961.350.788	9.986.177.625
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia từ góp vốn cổ phần và liên doanh	5.318.075.876	-
Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm	3.864.031.336	12.104.513.116
Các khoản phải thu khác	800.763.266	925.729.577
	131.944.221.266	26.516.420.318

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2008	49.226.058.930	1.455.012.000	1.118.249.871	264.357.252	52.063.678.053
Tăng trong năm	-	-	700.091.077	-	700.091.077
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	**49.226.058.930**	**1.455.012.000**	**1.818.340.948**	**264.357.252**	**52.763.769.130**
Khấu hao luỹ kế					
Tại ngày 1/1/2008	13.101.443.507	970.310.611	726.395.725	264.357.252	15.062.507.095
Tăng trong năm	2.051.470.804	166.183.333	216.080.805	-	2.433.734.942
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	**15.152.914.311**	**1.136.493.944**	**942.476.530**	**264.357.252**	**17.496.242.037**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2008	**34.073.144.619**	**318.518.056**	**875.864.418**	**-**	**35.267.527.093**
Tại ngày 31/12/2007	**36.124.615.423**	**484.701.389**	**391.854.146**	**-**	**37.001.170.958**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá trị tài sản cố định hữu hình bao gồm cả những tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.350.817.912 VND.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	38.585.352	214.099.364
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.477.278.558	2.587.658.414
3. Thuế thu nhập cá nhân	1.041.069.379	1.298.415.154
	8.556.933.289	**4.100.172.932**

9. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
KPCĐ, BHXH, BHYT phải nộp	1.158.364.598	813.023.127
Doanh thu chưa thực hiện	-	5.564.080.342
	1.158.364.598	**6.377.103.469**

10. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

Các khoản dự phòng nghiệp vụ

Đơn vị tính: VND

	01/01/2008	Trích bổ sung trong năm	Sử dụng trong năm	31/12/2008
Dự phòng phí	91.838.877.296	45.385.040.917	-	137.223.918.213
Dự phòng bồi thường	120.903.488.860	57.934.210.091	-	178.837.698.951
Dự phòng dao động lớn	76.759.442.880	9.398.607.295	-	86.158.050.175
Cộng	**289.501.809.036**	**112.717.858.303**	-	**402.219.667.339**

11. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	205.094.138.191	83.787.653.148
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	32.261.972.731	9.002.793.677
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	998.267.858	911.422.582
Thu nhập chịu thuế	173.830.433.318	75.696.282.053
Thuế suất thông thường	28%	14%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.672.521.329	10.597.479.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ quý IV/08	3.204.547.953	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	45.467.973.376	10.597.479.487
Thuế thu nhập hoãn lại	(75.214.532)	(113.702.875)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn kinh doanh	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2007	**343.000.000.000**	**-**	**2.012.617.791**	**10.063.088.953**	**5.031.544.477**	**50.490.157.021**	**2.859.165.732**	**413.456.573.974**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	73.076.470.786	-	73.076.470.786
Vốn góp trong năm	161.138.300.000	-	-	-	-	-	-	161.138.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	45.515.630.000	-	-	-	-	-	45.515.630.000
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	1.453.428.019	7.267.140.095	3.633.570.047	(15.478.508.161)	3.124.370.000	-
Điều chuyển các quỹ			-	-	-	-	(246.400.000)	(246.400.000)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(75.460.000.000)	-	(75.460.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	(4.181.057)	(3.594.282.412)	(3.598.463.469)
Tại ngày 1/1/2008	**504.138.300.000**	**45.515.630.000**	**3.466.045.810**	**17.330.229.048**	**8.665.114.524**	**32.623.938.589**	**2.142.853.320**	**613.882.111.291**
Lợi nhuận trong năm (a)	-	-	-	-	-	159.550.950.283	-	159.550.950.283
Vốn góp trong năm (b)	168.046.100.000	-	-	-	-	-	-	168.046.100.000
Thặng dư vốn cổ phần (b)	-	1.092.299.650.000	-	-	-	-	-	1.092.299.650.000
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	3.096.834.772	15.484.173.861	7.742.086.931	(29.569.062.230)	3.245.966.666	-
Chi phát hành vốn (c)	-	(33.699.249.358)	-	-	-	-	-	(33.699.249.358)
Chi cổ tức cho cổ đông (d)	-	-	-	-	-	(87.383.972.000)	-	(87.383.972.000)
Chi trả từ các quỹ							(1.924.847.667)	(1.924.847.667)
Tại ngày 31/12/2008	**672.184.400.000**	**1.104.116.030.642**	**6.562.880.582**	**32.814.402.909**	**16.407.201.455**	**75.221.854.642**	**3.463.972.319**	**1.910.770.742.549**

(a) Lợi nhuận chưa phân phối năm 2008 bao gồm Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính (lũy kế đến thời điểm 31/12/2008 là 8.433.141.804 đồng). Các khoản chênh lệch tỷ giá này không được sử dụng để chia cổ tức.

(b) Ngày 07/01/2008, Tổng Công ty đã chính thức ký kết hợp tác chiến lược với Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re (Swiss Re) của Thụy Sĩ. Đồng thời, ngày 31/01/2008, Tổng Công ty đã chào bán thành công 16.804.610 cổ phần cho Swiss Re theo Quyết định số 23/2008/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng Công ty ngày 25/12/2008 đã được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, qua đó làm tăng vốn góp cổ đông và thặng dư vốn cổ phần lên tương ứng là 168.046.100.000 đồng và 1.092.299.650.000 đồng.

(c) Chi phát hành vốn:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ III Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008 ngày 28/4/2008 phê duyệt báo cáo quyết toán bổ sung vốn năm 2007, theo đó chi phí phát hành (bao gồm chi phí tư vấn phát hành giai đoạn 1, chi phí tổ chức đấu giá, chi phí thuê tư vấn phát hành giai đoạn 2, chi phí luật sư, chi phí ban phát hành) là 2.010.009,73 USD và 1.346.100.000 VND, tổng cộng quy đổi là 33.699.249.358 VND.

12. NGUỒN VỐN VÀ CÁC QUỸ (Tiếp theo)

(d) Chia cổ tức cho cổ đông trong năm:

Ngày 28/04/2008, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ III Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008 ngày 28/4/2008, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã công bố chia cổ tức đợt II năm 2007 theo tỷ lệ 4% từ lợi nhuận chưa phân phối cho các cổ đông tương đương với số tiền là 20.165.532.000 đồng. Đồng thời, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã công bố tạm chi trả cổ tức đợt I năm 2008 theo tỷ lệ 10% từ lợi nhuận chưa phân phối cho các cổ đông tương đương với số tiền là 67.218.440.000 đồng.

Nguồn vốn kinh doanh

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 28/GP/KDBH ngày 15/11/2004 của Bộ Tài chính, Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 500 tỷ đồng. Ngày 18/2/2008, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC2/KDBH phê chuẩn Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 672.184.400.000 đồng

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 16/2008/GCNCP-TTLK-1 ngày 29/02/2008 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về việc chứng nhận cho Tổng Công ty đăng ký bổ sung 32.918.440 cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán kể từ ngày 29/02/2008 và căn cứ theo Quyết định số 79/QĐ-TTGDHN ngày 05/03/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung 32.918.440 cổ phiếu của Tổng Công ty, ngày 13/03/2008 Tổng Công ty đã đăng ký bắt đầu thực hiện giao dịch 32.918.440 cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Đến thời điểm 31/12/2008 tổng số vốn thực góp của các cổ đông là 672.184.400.000 đồng chi tiết như sau:

Nguồn vốn	Vốn góp			
	31/12/2008		31/12/2007	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Nguồn vốn kinh doanh	**672.184.400.000**	**100%**	**504.138.300.000**	**100%**
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	271.313.000.000	40,36%	271.313.000.000	53,82%
Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re	168.046.100.000	25,00%	-	0,00%
Các cổ đông khác	232.825.300.000	34,64%	232.825.300.000	46,18%
Thặng dư vốn cổ phần	**1.104.116.030.642**		**45.515.630.000**	
Cộng	1.776.300.430.642		549.653.930.000	

13. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	159.550.950.283	73.076.470.786
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	154.841.738.611	72.671.400.945
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	65.837.239	38.805.958
Lãi trên cổ phiếu	**2.352**	**1.873**

14. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam		
Phí nhượng tái bảo hiểm	119.403.228.505	48.598.545.280
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	19.023.193.730	9.049.114.789
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16.956.412.220	11.491.167.338
Phí nhận tái bảo hiểm	240.681.754.710	153.446.509.004
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	42.101.489.251	29.490.312.271
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	55.761.291.939	66.899.908.406
Tổng công ty cổ phần Bảo Minh		
Phí nhượng tái bảo hiểm	29.789.935.309	44.420.033.341
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	11.818.812.249	7.844.661.572
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	30.024.370.439	17.618.330.474
Phí nhận tái bảo hiểm	266.015.252.002	254.353.637.571
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	4.757.962.254	17.135.013.476
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	159.407.338.151	53.223.584.224
Công ty Bảo hiểm Dầu khí		
Phí nhượng tái bảo hiểm	34.368.815.305	28.962.647.143
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	7.191.597.117	6.233.044.708
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16.301.618.463	10.191.458.240
Phí nhận tái bảo hiểm	163.871.989.271	183.060.533.200
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	21.685.564.534	14.709.900.374
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	101.265.576.289	35.058.097.167
Công ty liên doanh TNHH bảo hiểm Samsung-Vina		
Phí nhượng tái bảo hiểm	15.547.355.097	16.021.566.059
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.770.103.999	6.149.531.005
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	11.441.578.571	10.459.074.592
Phí nhận tái bảo hiểm	63.195.894.855	33.724.378.823
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	19.037.169.186	9.741.161.331
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	15.846.056.753	6.831.007.873
Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex		
Phí nhượng tái bảo hiểm	33.787.380.009	23.000.305.204
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	6.878.958.286	4.413.759.411
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18.433.385.171	10.951.822.338
Phí nhận tái bảo hiểm	83.512.747.668	85.440.226.540
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	16.482.097.011	16.391.100.995
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	17.453.440.877	14.189.953.195
Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện		
Phí nhượng tái bảo hiểm	20.916.673.117	20.213.260.428
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.279.948.007	4.076.790.082
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	13.723.372.760	6.465.741.542
Phí nhận tái bảo hiểm	22.938.315.048	18.511.758.000
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	6.069.848.660	4.754.715.955
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	879.126.038	5.748.406.677

14. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thu nhập ròng của ban Tổng Giám đốc	2.885.858.050	1.319.331.411

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm 31/12/2008:

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Bộ Tài chính		
Phải thu từ Bộ Tài chính	2.000.000.000	3.500.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Việt Nam		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	68.177.232.640	46.762.315.467
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	7.585.218.315	7.098.456.293
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	27.005.664.469	28.592.118.864
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	15.926.609.110	13.431.321.481
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	18.607.434.835	13.670.194.336
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	6.348.115.409	5.573.046.729
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	9.688.454.850	16.012.589.938
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	11.614.807.148	7.335.202.522
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	32.617.625.125	9.033.570.890
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	11.561.577.236	7.639.895.111
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	14.895.455.751	8.465.397.967
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	22.715.271.075	15.385.850.381
Công ty Liên doanh TNHH Bảo hiểm Samsung-Vina		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	14.538.086.432	1.316.864.952
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	2.690.579.299	3.656.502.660
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	6.822.921.677	916.496.748
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	2.976.075.897	4.857.795.195
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	32.328.830.496	8.948.620.645
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	10.429.175.327	3.956.903.023
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	20.258.780.725	5.922.583.521
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	20.495.042.419	5.572.762.494
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	6.687.265.281	2.861.502.542
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	9.605.139.159	6.021.554.788
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	1.939.438.352	3.085.162.924
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	17.354.460.638	11.320.123.402

15. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Thuế nhà thầu phí tái bảo hiểm ra nước ngoài: Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26/12/2008 của liên Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về việc chính sách thuế đối với phí Tái bảo hiểm ra nước ngoài thì các Công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 1/11/2005.

Kể từ ngày 1/1/2009, thuế nhà thầu được áp dụng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài được điều chỉnh tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2008 cũng quy định tỷ lệ thuế nhà thầu vẫn là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài.

Hiện tại, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (đại diện cho các công ty bảo hiểm) đang tiến hành làm việc với Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về căn cứ tính thuế nhà thầu phải nộp theo quy định tại Công văn số 15861/BTC-TCT nêu trên. Việc xác định số thuế phải nộp của Tổng Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

16. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ngày 05/12/2008, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt đề án thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare (Vinare Invest) theo Quyết định số 22/NQ-HĐQT/2008. Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 100 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của VINARE là 60% vốn điều lệ tại thời điểm thành lập, tương đương với số tiền 60 tỷ đồng. Việc thành lập và góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VINARE sẽ được Tổng Công ty thực hiện trong năm 2009.

17. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2008	2007
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	30,41	51,57
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	69,59	48,43
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,85	49,49
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	70,15	50,51
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,35	2,02
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	4,64	1,90
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,33	1,03
2.4. Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	31,70	22,99
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	24,66	20,05
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	%	7,53	6,89
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	%	5,86	6,01
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,37	11,95

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.